



Thứ ba, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Vietnam Daily Review

Tâm lý tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/8/2018		•	
Tuần 27/8-31/8/2018		•	
Tháng 8/2018		•	

Điểm nhấn

- Thị trường biến động, tăng điểm với độ hẹp trong phiên sáng và giữ mức tăng nhẹ ở cuối phiên chiều
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+1.19 điểm); VCB (+1 điểm); HPG (+0.62 điểm); SAB (+0.59 điểm); VJC (+0.37 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-0.45 điểm); VHM (-0.41 điểm); BID (-0.31 điểm); TCB (-0.27 điểm); VRE (-0.26 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu chứng khoán và thép, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3874.3 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 5.48 điểm. Thị trường có 150 mã tăng và 140 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 3.27 điểm, đóng cửa tại 995.19 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.62 điểm lên 112.24 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 283 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (140.86 tỷ), SSI (61.34 tỷ) và VCB (50.13 tỷ). Cùng lúc đó, họ mua ròng 1.66 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Kết quả tích cực từ đàm phán thương mại giữa Mỹ và Mexico cũng như tâm lý lạc quan của nhà đầu tư về triển vọng thương mại giữa Mỹ-Canada và Liên minh Châu Âu trong các cuộc đàm phán sắp tới và sự hỗ trợ mạnh mẽ của khối ngoại đã khiến thị trường đạt mức tăng nhẹ trong phiên hôm nay. Dòng tiền lớn tập trung ở nhóm cổ phiếu ngành thép và chứng khoán. Khối ngoại đã mua ròng mạnh ở 2 mã HPG và SSI. Thị trường vẫn trong trạng thái tăng trưởng ngắn hạn và có khả năng bức phá vượt mốc 1000 điểm trong phiên sau.

Phân tích kỹ thuật: VCB_Xu hướng tăng

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **995.19**

Giá trị: 3874.37 tỷ **3.27 (0.33%)**

Khối ngoại (ròng): 283 tỷ

HNX-INDEX **112.24**

Giá trị: 650.51 tỷ **0.62 (0.56%)**

Khối ngoại (ròng): 1.66 tỷ

UPCOM-INDEX **51.28**

Giá trị: 153.1 tỷ **-0.26 (-0.5%)**

Khối ngoại(ròng): 12.95 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	69.0	0.23%
Giá vàng	1,214	0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,293	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,186	0.70%
Tỷ giá JPY/VND	20,967	0.04%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	140.8	VNM	28.2
SSI	61.3	NVL	17.7
VCB	50.1	VRE	17.0
VJC	41.6	GEX	8.0
CTD	31.9	DHG	7.8

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

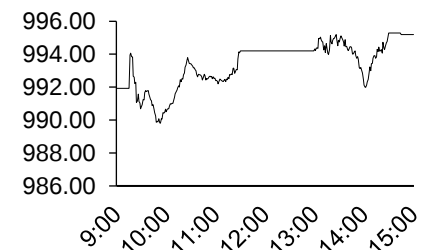
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
HPG	19.0	39.9	37	41	MUA	Tăng giá kéo dài
SSI	9.7	31.7	29	33	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
ACB	8.7	38.9	36	41	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VJC	7.7	155.2	144	155	MUA	Tăng giá kéo dài
CTG	7.4	27.3	25	28	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VNM	7.3	159.3	152	182	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
VCB	7.2	64.0	59	68	MUA	Tăng giá kéo dài
MBB	6.4	23.9	23	25	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
SHB	4.9	8.7	8	9	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VPB	4.2	25.5	25	28	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

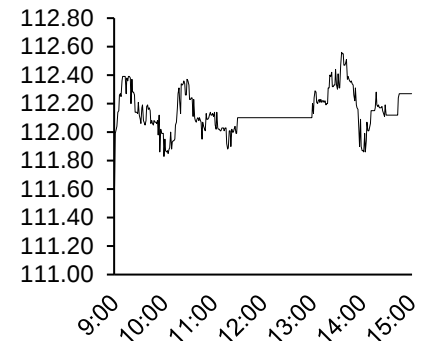
VCB_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ trên đường tín hiệu MACD trong 1 khoảng thời gian dài.
- Chỉ báo RSI: Xu hướng tăng về kênh Bollinger trên
- Đường MA: Đường MA 200 đang có xu hướng tăng lên cắt đường MA 50.

Nhận định: Cổ phiếu VCB bắt đầu xu hướng hồi phục từ cuối tháng 07, sau khi chạm đáy ở ngưỡng hỗ trợ 50.45. Xu hướng tăng trưởng được kéo dài trong 2 tháng gần đây, với ngưỡng hỗ trợ ngày một gia tăng. Thanh khoản trong các phiên gần đây bắt đầu có xu hướng tăng trở lại thể hiện xu hướng tích lũy đột phá tiếp, với giá sau ngày một cao hơn giá trước. Chỉ số RSI và đường MA200 đều báo hiệu xu hướng tăng trưởng sẽ còn tiếp diễn. Chỉ báo đường MACD đang báo hiệu 1 xu hướng tích lũy để tiếp tục tăng giá.

Khuyến nghị: Cổ phiếu VCB đang trong xu hướng tăng giá. Nếu thanh khoản duy trì xu hướng tăng đều đặn, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở ngưỡng hỗ trợ mức giá 63.9, chốt lãi ở ngưỡng kháng cự 70. Nếu thanh khoản suy giảm, nhà đầu tư tiếp tục mở vị thế tại ngưỡng hỗ trợ 55 và chốt lãi tại ngưỡng kháng cự là 65.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1809	965.6	0.2%	-2.6%
VN30F1810	966.1	0.5%	-24.4%
VN30F1812	966.0	0.4%	-26.3%
VN30F1903	966.0	0.0%	0.0%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	40	2.4	2.1
VJC	155	1.4	1.0
VCB	64	1.4	0.6
SAB	222	1.4	0.5
SSI	32	2.8	0.4

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	40	-1	-0.7
VNM	159	-1	-0.5
FPT	44	0	-0.2
MWG	123	0	-0.1
SBT	19	-2	-0.1

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	36.00	10.1%	30.1	37.6
2	PLX	31/7/2018	60.50	69.00	14.0%	55.7	69.6
3	TCM	7/8/2018	19.55	21.65	10.7%	18.0	22.5
4	HT1	22/8/2018	12.60	13.10	4.0%	11.6	14.5
Trung bình					9.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	MBB	27/4/2015	13.8	23.90	73.2%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	39.90	56.7%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	62.00	48.0%	39.8	60.0
4	GEX	2/4/2018	29.4	29.25	-0.5%	27.9	40.0
Trung bình					44.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.3	55.9%	17.0	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	31.4	5.7%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	37.3	38.9	4.3%	35.4	45.0
4	PNJ	21/08/2018	105.0	103.0	-1.9%	95.0	125.0
Trung bình					16.0%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	123.0	-0.3%	0.6	1,727	3.4	8,472	14.5	5.3	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	103.0	0.0%	0.9	726	1.7	5,110	20.2	5.0	49.0%	33.9%	
BVH	Bảo hiểm	90.9	0.0%	1.5	2,770	0.2	1,816	50.1	4.2	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	29.5	0.0%	0.7	296	0.0	1,984	14.9	1.0	43.9%	10.3%	
VIC	Bất động sản	104.2	0.0%	1.0	14,459	2.8	1,255	83.0	7.4	7.6%	10.8%	
VRE	Bất động sản	40.1	-1.1%	1.1	3,310	2.3	791	50.6	2.9	31.6%	5.7%	
NVL	Bất động sản	65.0	-0.2%	0.8	2,565	1.1	2,534	25.7	4.2	9.0%	18.7%	
REE	Bất động sản	36.0	-1.1%	1.1	485	1.2	5,319	6.8	1.3	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	27.7	-0.5%	1.5	412	3.0	2,870	9.6	2.3	45.6%	26.2%	
SSI	Chứng khoán	31.7	2.8%	1.3	689	9.7	2,585	12.3	1.7	54.9%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	61.2	1.2%	1.0	434	0.3	4,289	14.3	3.3	41.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	62.0	1.1%	1.3	349	1.6	6,129	10.1	2.7	60.7%	29.3%	
FPT	Công nghệ	44.2	-0.5%	0.8	1,179	1.7	5,094	8.7	2.3	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	50.5	-1.9%	0.4	497	0.0	3,453	14.6	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	102.2	2.0%	1.6	8,505	1.9	5,796	17.6	4.5	3.5%	27.4%	
PLX	Dầu khí	69.0	0.3%	1.5	3,476	2.6	3,240	21.3	4.3	10.9%	18.3%	
PVS	Dầu khí	20.8	1.0%	1.8	404	3.8	1,248	16.7	0.9	19.1%	5.3%	
BSR	Dầu khí	16.8	0.0%	0.8	2,265	0.5	#N/A	N/A	#N/A	N/A	43.5%	23.0%
DHG	Dược	92.7	-1.2%	0.4	527	1.0	4,035	23.0	4.1	46.3%	18.4%	
DPM	Hóa chất	17.5	0.0%	1.0	298	0.4	1,444	12.1	0.9	20.2%	8.0%	
DCM	Hóa chất	10.2	-1.0%	0.6	235	0.1	790	12.9	0.8	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	64.0	1.4%	1.4	10,011	7.2	3,140	20.4	3.9	20.8%	20.5%	
BID	Ngân hàng	33.7	-0.9%	1.7	5,009	3.8	2,344	14.4	2.3	2.6%	16.8%	
CTG	Ngân hàng	27.3	0.2%	1.6	4,411	7.4	2,085	13.1	1.5	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	25.5	0.6%	1.2	2,681	4.2	2,663	9.6	2.2	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	23.9	0.0%	1.2	2,245	6.4	2,113	11.3	1.7	20.0%	16.3%	
ACB	Ngân hàng	38.9	0.3%	1.2	1,834	8.7	3,320	11.7	2.3	30.0%	21.7%	
BMP	Nhựa	54.0	1.3%	0.8	192	0.4	5,642	9.6	1.9	75.0%	19.6%	
NTP	Nhựa	46.4	2.0%	0.5	180	0.0	4,932	9.4	2.0	23.0%	22.0%	
MSR	Tài nguyên	26.8	0.8%	1.2	838	0.0	286	93.7	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	39.9	2.4%	0.9	3,685	19.0	4,210	9.5	2.3	38.8%	30.1%	
HSG	Thép	10.8	-2.3%	1.3	180	1.6	1,861	5.8	0.8	20.4%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	159.3	-0.6%	0.6	10,051	7.3	6,078	26.2	8.9	59.1%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	222.0	1.4%	0.8	6,190	0.4	7,082	31.3	9.1	9.7%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	91.4	0.2%	1.2	4,186	1.3	5,370	17.0	5.7	28.9%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	19.0	-1.6%	0.8	409	2.7	1,053	18.0	1.5	8.2%	11.1%	
ACV	Vận tải	84.9	-0.1%	0.8	8,036	0.0	1,883	45.1	6.8	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	155.2	1.4%	1.1	3,655	7.7	9,463	16.4	7.9	24.6%	67.1%	
HVN	Vận tải	38.9	0.0%	1.7	2,114	0.8	1,727	22.5	3.2	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	26.8	-0.7%	1.0	336	0.8	6,223	4.3	1.3	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	17.3	3.3%	0.8	212	0.2	2,189	7.9	1.3	34.1%	17.4%	
VCS	Vật liệu xây dựng	89.1	0.7%	0.9	620	0.5	5,657	15.8	5.3	2.5%	46.4%	
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.6%	0.9	351	1.7	1,354	13.3	1.3	24.1%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.1	-0.8%	0.6	217	0.5	1,537	8.5	0.9	5.4%	10.9%	
CTD	Xây dựng	164.9	1.9%	0.7	561	2.4	20,360	8.1	1.7	42.9%	22.5%	
VCG	Xây dựng	18.6	0.5%	1.3	357	2.0	2,716	6.8	1.3	10.8%	20.4%	
CII	Xây dựng	27.0	0.7%	0.5	287	0.8	(61)	#N/A	N/A	1.3	55.9%	-0.3%
POW	Điện	13.3	0.0%	0.6	1,354	0.9	1,026	13.0	1.2	67.0%	9.1%	
NT2	Điện	26.8	1.5%	0.7	335	0.2	2,912	9.2	2.1	21.6%	19.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	102.20	2.00	1.19	433220.00
VCB	64.00	1.43	1.01	2.59MLN
HPG	39.90	2.44	0.63	11.01MLN
SAB	222.00	1.37	0.60	38360.00
VJC	155.20	1.44	0.37	1.15MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	159.30	-0.62	-0.45	1.06MLN
VHM	111.00	-0.45	-0.42	817180.00
BID	33.70	-0.88	-0.32	2.58MLN
TCB	26.25	-0.94	-0.27	1.63MLN
VRE	40.05	-1.11	-0.27	1.34MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	6.88	7.00	0.00	90.00
YEG	193.60	6.96	0.11	7340.00
TDG	6.51	6.90	0.00	1.05MLN
HU1	10.90	6.86	0.00	510.00
MHC	5.77	6.85	0.00	116600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	33.45	-6.95	-0.02	10.00
HTT	3.22	-6.94	0.00	933760.00
SJF	25.60	-6.91	-0.04	406880.00
TMT	6.64	-6.87	-0.01	15190.00
DRH	13.70	-6.80	-0.02	404340.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	8.70	2.35	0.21	12.95MLN
ACB	38.90	0.26	0.11	5.16MLN
DBC	26.50	3.52	0.05	56569.00
PVS	20.80	0.97	0.05	4.22MLN
NVB	8.20	1.23	0.03	1.36MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	4.80	-5.88	-0.03	100.00
PVX	1.20	-7.69	-0.02	536315.00
KLF	2.30	-4.17	-0.02	2.00MLN
DHT	36.00	-3.23	-0.02	15400.00
VIX	7.40	-3.90	-0.02	428998.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

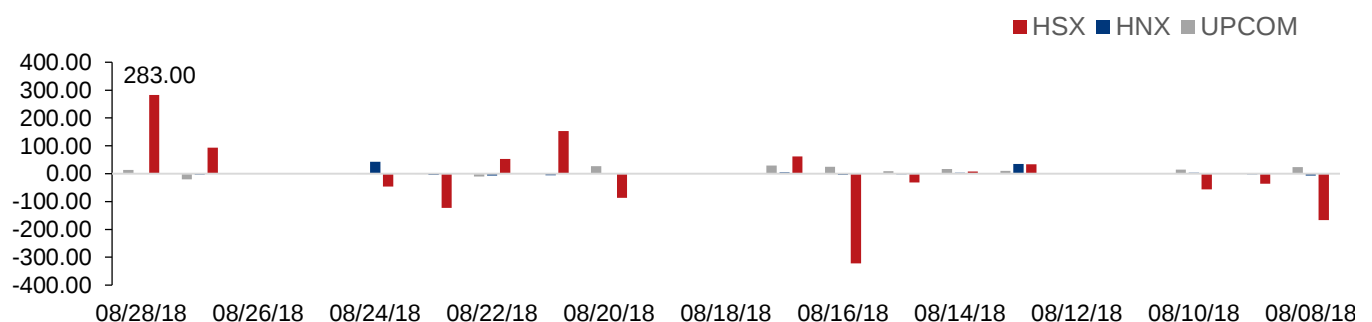
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.90	12.50	0.00	342480.00
VC9	9.90	10.00	0.01	700.00
VTs	15.40	10.00	0.00	200.00
SRA	48.10	9.82	0.01	66600.00
IVS	14.60	9.77	0.03	1500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.70	-12.50	0.00	12300.00
BKC	9.10	-9.90	0.00	31100.00
MHL	4.60	-9.80	0.00	10100.00
NBW	9.30	-9.71	-0.01	100.00
VAT	5.80	-9.38	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
3	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
4		Phân tích vĩ mô		Click	
5	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
12	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.4	170	84.8	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	26.8	2,912	9.2	2.1	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.1	1,003	14.0	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.5	-831	#N/A N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	38.9	3,320	11.7	2.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.0	5,570	7.2	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	16.9	1,063	15.9	1.5	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.3	2,189	7.9	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	39.9	4,210	9.5	2.3	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	27.7	2,870	9.6	2.3	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	11.5	2,847	4.0	0.8	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	36.1	5,765	6.3	2.0	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	44.2	5,094	8.7	2.3	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	64.0	3,140	20.4	3.9	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.8	1,248	16.7	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	23.9	2,113	11.3	1.7	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	164.9	20,360	8.1	1.7	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	6.9	-671	#N/A	0.5	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	91.5	18,378	5.0	1.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	103.0	5,110	20.2	5.0	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

